



Tự đánh giá chương trình đào tạo theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA: Nghiên cứu thực trạng tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Đặng Hải Pháp¹, Nguyễn Thị Thu Hiền¹, Nguyễn Văn Thông²

¹Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

²Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam; Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Huế

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 20/5/2026

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 21/7/2026

Ngày nhận đăng: 29/7/2026

Ngày xuất bản: 20/8/2026

Từ khóa:

Tự đánh giá;

Chương trình đào tạo;

Chuẩn AUN-QA;

Bảo đảm chất lượng;

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng hoạt động tự đánh giá (TĐG) chương trình đào tạo (CTĐT) đại học theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế trên sáu thành tố: mục tiêu, nội dung theo 8 tiêu chuẩn AUN-QA, phương pháp và hình thức tổ chức, lực lượng tham gia, điều kiện bảo đảm và đánh giá kết quả triển khai. Nghiên cứu sử dụng thiết kế khảo sát mô tả, trong đó định lượng là chủ đạo, kết hợp phỏng vấn bán cấu trúc với 15 người gồm 05 cán bộ quản lý (CBQL), 05 giảng viên (GV) và 05 chuyên viên (CV) nhằm bổ sung, đối chiếu và giải thích kết quả định lượng. Dữ liệu khảo sát thu thập từ 156 CBQL, GV và CV được xử lý bằng thống kê mô tả; độ tin cậy nội bộ của các nhóm thang đo được kiểm định bằng Cronbach's alpha. Kết quả cho thấy hoạt động TĐG CTĐT được thực hiện ở mức thường xuyên và kết quả thực hiện đạt mức khá; Điểm trung bình (ĐTB) chung của các thành tố dao động từ 3,72 đến 4,06. Các thành tố có mức độ thực hiện và kết quả thực hiện cao hơn gồm nội dung TĐG theo 8 tiêu chuẩn AUN-QA, lực lượng tham gia và đánh giá kết quả triển khai. Hạn chế tập trung ở việc xác định đầy đủ mức độ đáp ứng 8 tiêu chuẩn/53 tiêu chí, huy động bên liên quan bên ngoài, đối sánh, chuẩn hóa dữ liệu - minh chứng, điều kiện về học liệu, hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) và sử dụng kết quả TĐG cho cải tiến. Từ đó, bài báo đề xuất các định hướng về chuẩn hóa dữ liệu và minh chứng, củng cố mạng lưới các bên liên quan, tăng cường điều kiện bảo đảm và sử dụng kết quả TĐG cho cải tiến CTĐT.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong xu thế đổi mới giáo dục đại học theo hướng tiếp cận dựa trên kết quả đầu ra, chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) ngày càng được xem xét không chỉ qua mục tiêu, nội dung và điều kiện triển khai, mà còn qua khả năng chứng minh mức độ đạt chuẩn đầu ra (CĐR), mức độ đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan và hiệu quả cải tiến sau đánh giá. Ở cấp CTĐT, tự đánh giá (TĐG) là hoạt động có ý nghĩa nền tảng trong bảo đảm chất lượng (BĐCL) bên trong, giúp cơ sở giáo dục đại học nhận diện thực trạng, xác định khoảng cách chất lượng và hình thành các ưu tiên cải tiến. Theo tiếp cận của AUN-QA, TĐG CTĐT cần được triển khai dựa trên CĐR, minh chứng có khả năng kiểm chứng, phản hồi của các bên liên quan và chu trình cải tiến liên tục PDCA (Plan - Do - Check - Act) (ASEAN University Network - Quality Assurance, 2024; Mạng lưới các trường đại học ASEAN, 2021). Vì vậy, TĐG không nên được hiểu đơn thuần là hoạt động chuẩn bị hồ sơ cho đánh giá ngoài, mà là một quá trình học hỏi tổ chức, trong đó nhà trường tự xem xét chất lượng CTĐT dựa trên dữ liệu và sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến.

Ở Việt Nam, yêu cầu TĐG và kiểm định chất lượng CTĐT ngày càng được thể chế hóa rõ hơn trong bối cảnh đổi mới quản trị đại học, tăng cường tự chủ và trách nhiệm giải trình. Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT

Tác giả liên hệ: Đặng Hải Pháp;

Địa chỉ e-mail: danghaiphap@dhsphue.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.137.2026>

xác định TĐG là một khâu quan trọng để cơ sở đào tạo xem xét thực trạng chất lượng CTĐT, hệ thống BĐCL bên trong và các điều kiện cần thiết nhằm đáp ứng chuẩn chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025). Các nghiên cứu gần đây cho thấy hiệu quả của TĐG và BĐCL bên trong phụ thuộc nhiều vào chất lượng dữ liệu, minh chứng, sự tham gia của các bên liên quan, văn hóa chất lượng và việc sử dụng kết quả đánh giá cho cải tiến CTĐT (Lê, 2025; Nguyễn, 2023; Tạ, 2023). Ở bình diện quốc tế, BĐCL bên trong được nhìn nhận như một thành tố của quản trị đại học, trong đó sự liên kết giữa mục tiêu, quy trình, con người và kết quả cải tiến quyết định mức độ bền vững của hệ thống chất lượng (Krooi et al., 2024; Martin & Stella, 2007).

Các công trình hiện có đã làm rõ vai trò của kiểm định, BĐCL bên trong và tác động của đánh giá CTĐT đối với cải tiến chất lượng. Tuy nhiên, những nghiên cứu phân tích trực tiếp hoạt động TĐG CTĐT theo AUN-QA như một quá trình gồm mục tiêu, nội dung theo 8 tiêu chuẩn, phương pháp và hình thức tổ chức, lực lượng tham gia, điều kiện bảo đảm và đánh giá kết quả trong bối cảnh một trường đại học sư phạm còn chưa nhiều. Khoảng trống này cho thấy cần có nghiên cứu mô tả thực trạng TĐG theo AUN-QA ở cấp cơ sở đào tạo, qua đó nhận diện những điểm mạnh, hạn chế và định hướng cải thiện phù hợp.

Theo số liệu trên trang chính thức của ASEAN University Network, tính đến thời điểm truy cập ngày 11/5/2026, Việt Nam có 181 đợt đánh giá với 663 lượt CTĐT được công bố theo AUN-QA; trong đó Đại học Huế có 02 CTĐT được ghi nhận, gồm 01 CTĐT Sư phạm Toán học của Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế (ASEAN University Network, n.d.). Các số liệu này chỉ phản ánh những CTĐT đã được AUN-QA công bố, không đại diện cho toàn bộ hoạt động TĐG nội bộ. Tuy vậy, trong bối cảnh nhà trường đang từng bước hội nhập với các chuẩn BĐCL khu vực, việc phân tích thực trạng TĐG CTĐT theo AUN-QA là cần thiết nhằm củng cố năng lực tự rà soát, chuẩn hóa dữ liệu - minh chứng và tăng cường giá trị cải tiến của hoạt động TĐG.

Bài báo tập trung đánh giá thực trạng hoạt động TĐG CTĐT đại học theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA ở Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế trên sáu thành tố: mục tiêu, nội dung theo 8 tiêu chuẩn AUN-QA, phương pháp và hình thức tổ chức, lực lượng tham gia, điều kiện bảo đảm và đánh giá kết quả; từ đó đề xuất một số định hướng về chuẩn hóa dữ liệu - minh chứng, củng cố cơ chế tham gia của các bên liên quan, tăng cường điều kiện bảo đảm và sử dụng kết quả TĐG cho cải tiến CTĐT.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thiết kế khảo sát mô tả, trong đó dữ liệu định lượng giữ vai trò chủ đạo và dữ liệu định tính từ phỏng vấn bán cấu trúc được sử dụng để bổ sung, đối chiếu và giải thích kết quả khảo sát. Dữ liệu định lượng được thu thập bằng bảng hỏi nhằm mô tả mức độ thực hiện và kết quả thực hiện các thành tố của hoạt động TĐG CTĐT theo AUN-QA. Dữ liệu định tính được thu thập từ 15 người thuộc ba nhóm cán bộ quản lý (CBQL), giảng viên (GV) và chuyên viên (CV).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

- *Khách thể khảo sát:* Mẫu khảo sát gồm 156 người thuộc Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu có chủ đích theo tiêu chí, tập trung vào những người đã tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động TĐG CTĐT. Trong đó có 21 CBQL, 82 GV và 53 CV. Việc lựa chọn ba nhóm khách thể này nhằm bảo đảm dữ liệu phản ánh được nhận định từ các lực lượng có vai trò khác nhau trong quá trình TĐG, gồm nhóm chỉ đạo và điều phối, nhóm trực tiếp thực hiện chuyên môn và nhóm hỗ trợ dữ liệu, minh chứng, CNTT và điều kiện bảo đảm.

- *Công cụ nghiên cứu:* Bảng hỏi được xây dựng trên cơ sở khung lý luận về hoạt động TĐG CTĐT theo AUN-QA, Bộ tiêu chuẩn AUN-QA phiên bản 4.0 và các yêu cầu của Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT. Công cụ khảo sát gồm 69 chỉ báo, chia thành các nhóm nội dung: mục tiêu hoạt động TĐG; nội dung TĐG theo 8 tiêu chuẩn AUN-QA; phương pháp và hình thức tổ chức TĐG; lực lượng tham gia; điều kiện bảo đảm; tuân thủ nguyên tắc TĐG theo AUN-QA; và đánh giá kết quả TĐG CTĐT. Trước khi sử dụng chính thức, bảng hỏi được rà soát về nội dung, thuật ngữ và cấu trúc bởi các nhà quản lý, chuyên gia trong lĩnh vực BĐCL nhằm tăng độ phù hợp nội dung với mục tiêu khảo sát và bối cảnh triển khai TĐG tại nhà trường. Các mục hỏi được thiết kế theo thang Likert 5 mức và được đánh giá ở hai phương diện: mức độ thực hiện và kết quả thực hiện. Mức độ thực hiện phản ánh tần suất hoặc mức độ triển khai từng nội dung; kết quả thực hiện phản ánh chất lượng hoặc mức độ đạt được của nội dung đó trong thực tiễn.

- *Xử lý và phân tích dữ liệu:* Dữ liệu khảo sát được xử lý bằng thống kê mô tả với hai tham số chính là điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC). Khoảng diễn giải ĐTB được xác định theo công thức: (giá trị lớn nhất - giá trị nhỏ nhất)/số mức = $(5 - 1)/5 = 0,80$. Đối với mức độ thực hiện, các mức được quy ước như sau: $1,00 \leq \text{ĐTB} < 1,80$: không thực hiện; $1,80 \leq \text{ĐTB} < 2,60$: ít thực hiện; $2,60 \leq \text{ĐTB} < 3,40$: thành

thoảng; $3,40 \leq \text{ĐTB} < 4,20$: thường xuyên; $4,20 \leq \text{ĐTB} \leq 5,00$: rất thường xuyên. Đối với kết quả thực hiện, các mức được quy ước tương ứng: $1,00 \leq \text{ĐTB} < 1,80$: kém; $1,80 \leq \text{ĐTB} < 2,60$: yếu; $2,60 \leq \text{ĐTB} < 3,40$: trung bình; $3,40 \leq \text{ĐTB} < 4,20$: khá; $4,20 \leq \text{ĐTB} \leq 5,00$: tốt. Khi diễn giải kết quả, bài báo phân biệt rõ: ở phương diện mức độ thực hiện, các mức phản ánh tần suất/mức độ triển khai; ở phương diện kết quả thực hiện, các mức phản ánh chất lượng hoặc mức độ đạt được.

Độ tin cậy nội bộ của các nhóm thang đo được kiểm định bằng hệ số Cronbach's alpha trên dữ liệu khảo sát thu được. Kết quả cho thấy hệ số alpha của các nhóm thang đo ở phương diện mức độ thực hiện dao động từ 0,934 đến 0,979; ở phương diện kết quả thực hiện dao động từ 0,925 đến 0,978, cho thấy công cụ có độ tin cậy nội bộ rất tốt và phù hợp để sử dụng trong phân tích mô tả thực trạng. Phân tích phương sai một nhân tố (One-way ANOVA) giữa ba nhóm CBQL, GV và CV ở các nhóm nội dung chưa ghi nhận khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$) ở cả hai phương diện mức độ thực hiện và kết quả thực hiện, do đó bài báo tập trung phân tích mẫu hình chung của toàn bộ mẫu khảo sát.

2.2.2. Phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc

Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn bán cấu trúc với 15 người, gồm 05 CBQL, 05 GV và 05 CV, được lựa chọn có chủ đích theo từng nhóm và dựa trên kinh nghiệm tham gia TĐG từ danh sách khách thể khảo sát. Nội dung phỏng vấn tập trung vào mức độ thực hiện sáu thành tố của hoạt động TĐG; những thuận lợi, khó khăn và nguyên nhân của các hạn chế trong quá trình TĐG CTĐT theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA. Người tham gia phỏng vấn được mã hóa theo nhóm và số thứ tự nhằm bảo đảm tính bảo mật. Dữ liệu phỏng vấn được xử lý bằng phương pháp phân tích nội dung thông qua mã hóa theo chủ đề, nhóm các ý kiến tương đồng và đối chiếu các quan điểm khác biệt; kết quả phân tích được sử dụng để bổ sung, đối chiếu và hỗ trợ giải thích các phát hiện định lượng.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Cơ sở lý luận về hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo đại học theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA

3.1.1. Khái niệm cơ bản

Chương trình đào tạo là một chỉnh thể được thiết kế và tổ chức thực hiện có hệ thống, bao gồm mục tiêu, CĐR, cấu trúc nội dung, phương thức dạy học, đánh giá người học và các điều kiện bảo đảm nhằm giúp người học đạt được văn bằng giáo dục đại học. Theo AUN-QA, CTĐT cần được thiết kế theo nguyên tắc tương thích kiến tạo, lấy kết quả học tập mong đợi làm căn cứ kết nối giữa CĐR, nội dung, phương pháp dạy học, đánh giá và điều kiện BĐCL (Mạng lưới các trường đại học ASEAN, 2021; Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025).

Tự đánh giá CTĐT là quá trình CTĐT của một khoa/ngành tự xem xét, thu thập, xử lý và đối chiếu minh chứng với các tiêu chuẩn chất lượng nhằm xác định mức độ đáp ứng của CTĐT thuộc một ngành/nhóm ngành, nhận diện điểm mạnh, hạn chế và các nội dung cần cải tiến. Theo tiếp cận AUN-QA, sản phẩm trung tâm của quá trình này là báo cáo TĐG, nhưng giá trị cốt lõi của TĐG nằm ở khả năng tạo lập dữ liệu, phản hồi và căn cứ cho cải tiến liên tục CTĐT, chứ không chỉ ở việc hoàn thiện hồ sơ phục vụ đánh giá ngoài (ASEAN University Network - Quality Assurance, 2024; Martin & Stella, 2007).

Bộ tiêu chuẩn AUN-QA cấp CTĐT là khung tham chiếu BĐCL do Mạng lưới các trường đại học ASEAN xây dựng, nhấn mạnh giáo dục dựa trên CĐR, phản hồi các bên liên quan, minh chứng có thể kiểm chứng và cải tiến theo chu trình PDCA. Phiên bản 4.0 của AUN-QA ở cấp CTĐT gồm 8 tiêu chuẩn và 53 tiêu chí, bao quát các lĩnh vực: kết quả học tập mong đợi; cấu trúc và nội dung chương trình; phương thức dạy và học; đánh giá người học; đội ngũ giảng viên; dịch vụ hỗ trợ người học; cơ sở hạ tầng và trang thiết bị; đầu ra và kết quả đạt được (Mạng lưới các trường đại học ASEAN, 2021).

Trong phạm vi bài báo này, hoạt động TĐG CTĐT đại học theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA được hiểu là toàn bộ quá trình chuyên môn và tổ chức do nhà trường, khoa đào tạo và các lực lượng liên quan triển khai nhằm tự xem xét mức độ đáp ứng của CTĐT đối với các yêu cầu AUN-QA trên cơ sở dữ liệu và minh chứng xác thực; qua đó xây dựng báo cáo TĐG, chuẩn bị cho đánh giá ngoài và quan trọng hơn là xác định các ưu tiên cải tiến CTĐT.

3.1.2. Cấu trúc thành tố hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo đại học theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA

Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở tiếp cận hệ thống. Theo tiếp cận này, một hoạt động được xem là hệ thống gồm nhiều thành tố có quan hệ hữu cơ, tác động qua lại và cùng thực hiện chức năng chung của hệ thống; do đó, việc nghiên cứu hoạt động cần đặt các thành tố trong mối quan hệ với nhau và với toàn bộ hệ thống, thay vì xem xét từng thành tố một cách tách biệt (Bertalanffy, 1968; Caws, 2015). Vận dụng vào TĐG CTĐT theo AUN-QA, hoạt động này được tiếp cận như một hệ thống gồm sáu thành tố: mục tiêu TĐG; nội dung TĐG; phương pháp và hình thức TĐG; lực lượng tham gia; điều kiện bảo đảm; và đánh giá kết quả TĐG. Cấu trúc này phù hợp với đặc trưng của quy trình TĐG trong AUN-QA, vốn nhấn mạnh tổ chức TĐG

có hệ thống, dựa trên minh chứng và hướng tới cải tiến chất lượng liên tục (Mạng lưới các trường đại học ASEAN, 2021).

(1) Mục tiêu hoạt động TĐG CTĐT: TĐG nhằm xác định mức độ đáp ứng của CTĐT đối với 8 tiêu chuẩn và 53 tiêu chí AUN-QA; nhận diện điểm mạnh, tồn tại và khoảng cách chất lượng; chuẩn hóa dữ liệu, minh chứng; huy động sự tham gia của các bên liên quan; đồng thời sử dụng kết quả TĐG để xây dựng kế hoạch cải tiến CTĐT có phân công trách nhiệm, thời hạn và chỉ số theo dõi. Đây là mục tiêu phản ánh bản chất cải tiến liên tục của TĐG theo AUN-QA và cũng phù hợp với quan điểm xem BDCL bên trong là một thành tố của quản trị đại học (Krooi et al., 2024; Martin & Stella, 2007).

(2) Nội dung TĐG theo 8 tiêu chuẩn AUN-QA: Hoạt động TĐG cần bao quát toàn bộ các thành tố cốt lõi của CTĐT, gồm CĐR, cấu trúc và nội dung chương trình, phương thức dạy - học, đánh giá người học, đội ngũ giảng viên, dịch vụ hỗ trợ người học, cơ sở hạ tầng - trang thiết bị và đầu ra/kết quả đạt được. Nội dung này giúp CTĐT tự đối chiếu với khung chất lượng khu vực, đồng thời nhận diện những tiêu chuẩn có nền tảng tốt và những tiêu chuẩn cần ưu tiên cải tiến (Mạng lưới các trường đại học ASEAN, 2021).

(3) Phương pháp và hình thức tổ chức TĐG: TĐG cần sử dụng kết hợp nhiều phương pháp như phân tích minh chứng theo tiêu chí, khảo sát các bên liên quan, trao đổi/thảo luận với các nhóm liên quan, phân tích xu hướng dữ liệu nhiều năm, đối sánh nội bộ hoặc bên ngoài và đọc duyệt chéo báo cáo. Về hình thức tổ chức, hoạt động TĐG cần được vận hành bằng bộ máy có phân tầng nhiệm vụ, kế hoạch tổng thể, hệ thống dữ liệu - minh chứng được mã hóa và quy trình thẩm định nội bộ. Các yêu cầu này giúp hạn chế đánh giá cảm tính và tăng độ tin cậy của lập luận trong báo cáo TĐG (Mạng lưới các trường đại học ASEAN, 2021; Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025).

(4) Lực lượng tham gia TĐG: TĐG theo AUN-QA đòi hỏi sự tham gia của nhiều chủ thể, gồm lãnh đạo trường/khoa, hội đồng TĐG hoặc hội đồng BDCL, ban thư ký/đầu mối BDCL, nhóm tiêu chuẩn/nhóm viết báo cáo, các phòng/đơn vị chức năng, giảng viên, người học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng/cơ sở thực tập, đối tác và bộ phận quản trị dữ liệu - minh chứng. Sự tham gia này quyết định tính đầy đủ của thông tin, tính khách quan của đánh giá và khả năng chuyển hóa kết quả TĐG thành cải tiến CTĐT (Mạng lưới các trường đại học ASEAN, 2021; Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025).

(5) Điều kiện bảo đảm cho hoạt động TĐG: Để TĐG được triển khai thực chất, nhà trường cần bảo đảm các điều kiện về quy định và quy trình nội bộ, phân công nhiệm vụ, năng lực chuyên môn và ngoại ngữ của lực lượng nòng cốt, cơ chế ghi nhận người tham gia, hệ thống phản hồi các bên liên quan, đạo đức và bảo mật dữ liệu, hạ tầng CNTT, kho minh chứng số và kinh phí phục vụ khảo sát, tập huấn, thẩm định và hoàn thiện báo cáo (Mạng lưới các trường đại học ASEAN, 2021; Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025).

(6) Đánh giá kết quả hoạt động TĐG: Kết quả TĐG cần được xem xét không chỉ qua việc hoàn thành báo cáo, mà qua mức độ tuân thủ các nguyên tắc AUN-QA như tiếp cận giáo dục dựa trên kết quả đầu ra (Outcome-Based Education - OBE), lấy kết quả học tập mong đợi (Expected Learning Outcomes - ELOs) làm căn cứ, đánh giá dựa trên minh chứng, khách quan - minh bạch - nhất quán, vận hành theo PDCA và sử dụng kết quả TĐG cho quản lý, phát triển CTĐT. Vì vậy, đánh giá kết quả TĐG phải chú trọng cả chất lượng báo cáo, độ tin cậy của minh chứng, sự tham gia của các bên liên quan, tính khả thi của kế hoạch cải tiến và minh chứng đóng vòng cải tiến ở chu kỳ tiếp theo (Mạng lưới các trường đại học ASEAN, 2021; Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025).

Cách tiếp cận sáu thành tố trên là cơ sở để xây dựng công cụ khảo sát và phân tích thực trạng trong nghiên cứu này. Đồng thời, cách tiếp cận này cho phép xem xét TĐG CTĐT theo AUN-QA như một hệ thống hoạt động của BDCL bên trong, trong đó dữ liệu, minh chứng, con người, quy trình và cải tiến có quan hệ chặt chẽ với nhau.

3.2. Thực trạng hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo đại học theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA ở Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

3.2.1. Thực trạng thực hiện mục tiêu hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo đại học theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA

Kết quả ở bảng 1 cho thấy thành tố mục tiêu của hoạt động TĐG CTĐT được thực hiện ở mức thường xuyên và đạt kết quả ở mức khá, với ĐTB chung 3,77 ở phương diện mức độ thực hiện và 3,72 ở phương diện kết quả thực hiện. Nội dung được đánh giá cao nhất ở cả hai phương diện là khả năng nhận diện điểm mạnh, điểm tồn tại và khoảng cách chất lượng cần cải tiến của CTĐT (ĐTB thực hiện = 3,83; ĐTB kết quả = 3,79). Điều này cho thấy TĐG đã phát huy vai trò chẩn đoán trong rà soát chương trình, phù hợp với quan điểm của Martin và Stella (2007) khi xem TĐG là công cụ giúp cơ sở giáo dục nhận diện thực trạng và tạo căn cứ cải tiến chất lượng.

Bảng 1. Đánh giá của CBQL, GV và CV về mục tiêu hoạt động TĐG CTĐT đại học theo AUN-QA

STT	Mục tiêu hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo đại học theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Hoạt động TĐG của Khoa/Trường xác định rõ mức độ đáp ứng của CTĐT đối với 8 tiêu chuẩn và 53 tiêu chí AUN-QA.	3,71	0,86	3,68	0,83
2	Hoạt động TĐG giúp nhận diện đầy đủ điểm mạnh, điểm tồn tại và khoảng cách chất lượng cần cải tiến của CTĐT.	3,83	0,90	3,79	0,91
3	Hoạt động TĐG thúc đẩy chuẩn hóa hệ thống dữ liệu và minh chứng phục vụ quản trị và cải tiến CTĐT.	3,78	0,87	3,73	0,86
4	Hoạt động TĐG huy động sự tham gia thực chất của các bên liên quan (giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và đơn vị hỗ trợ).	3,74	0,96	3,69	0,91
5	Kết quả TĐG được sử dụng để xây dựng kế hoạch cải tiến CTĐT có phân công trách nhiệm, thời hạn và chỉ số theo dõi.	3,80	0,96	3,71	0,90
ĐTB chung		3,77		3,72	

Tuy nhiên, chỉ báo xác định rõ mức độ đáp ứng của CTĐT đối với 8 tiêu chuẩn và 53 tiêu chí AUN-QA có điểm thấp nhất ở cả hai phương diện (ĐTB thực hiện = 3,71; ĐTB kết quả = 3,68). Chỉ báo về huy động sự tham gia thực chất của các bên liên quan cũng có ĐTB kết quả thấp tương đối (3,69). Mẫu hình này cho thấy TĐG đã làm khá tốt vai trò tự rà soát nội bộ, nhưng còn hạn chế ở những yêu cầu có tính kỹ thuật cao hơn như đối chiếu đầy đủ với cấu trúc AUN-QA, chuẩn hóa minh chứng và huy động phản hồi đa chiều. Kết quả này tương đồng với nhận định của Tạ Thị Thu Hiền (2023) và Nguyễn Trung Thành (2023) rằng dữ liệu, minh chứng và cơ chế phản hồi là những nội dung cần tiếp tục củng cố trong hệ thống BDCL bên trong ở các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam.

Kết quả phỏng vấn bán cấu trúc cho thấy ý kiến của ba nhóm CBQL, GV và CV tương đối thống nhất về ba khó khăn: mức độ am hiểu nội hàm tiêu chí AUN-QA và kỹ năng xử lý, lập luận dựa trên minh chứng chưa đồng đều; dữ liệu ở một số nội dung còn phân tán; cơ chế duy trì phản hồi từ cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và cơ sở thực tập chưa thường xuyên. Các phát hiện này góp phần giải thích vì sao các chỉ báo về xác định mức độ đáp ứng 8 tiêu chuẩn/53 tiêu chí và huy động sự tham gia thực chất của các bên liên quan có điểm thấp hơn. Vì vậy, để mục tiêu TĐG tạo ra giá trị cải tiến rõ hơn, cần chuyển từ yêu cầu “hoàn thành TĐG” sang “xác định được mức đáp ứng và hình thành căn cứ cải tiến có thể kiểm chứng”.

Tóm lại, thành tố mục tiêu TĐG được thực hiện thường xuyên và đạt kết quả khá; tuy nhiên, nhà trường cần ưu tiên làm rõ mức độ đáp ứng từng tiêu chuẩn/tiêu chí AUN-QA, tăng cường phản hồi của các bên liên quan và gắn mục tiêu TĐG với kế hoạch cải tiến có chỉ số theo dõi cụ thể.

3.2.2. Thực trạng thực hiện nội dung hoạt động tự đánh giá theo 8 tiêu chuẩn AUN-QA

Bảng 2 cho thấy nội dung TĐG theo 8 tiêu chuẩn AUN-QA tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế được CBQL, GV và CV đánh giá là được thực hiện thường xuyên và đạt kết quả ở mức khá, với ĐTB chung 4,00 ở phương diện mức độ thực hiện và 3,98 ở phương diện kết quả thực hiện. Các chỉ báo có điểm cao tập trung ở tiêu chuẩn 5 về đội ngũ giảng viên, tiêu chuẩn 4 về đánh giá người học, tiêu chuẩn 6 về dịch vụ hỗ trợ người học và tiêu chuẩn 8 về đầu ra. Điều này phản ánh những nền tảng tích cực của nhà trường trong vận hành CTĐT, nhất là ở các nội dung có quy trình quản lý tương đối ổn định, dữ liệu sẵn có và liên quan trực tiếp đến hoạt động đào tạo thường xuyên.

Ngược lại, nhóm có điểm thấp hơn tập trung ở tiêu chuẩn 7 về cơ sở vật chất, học liệu và hạ tầng CNTT, trong đó chỉ báo về cơ sở vật chất, học liệu, phòng thực hành và CNTT đạt ĐTB kết quả 3,77. Chỉ báo về thiết kế CTĐT theo nguyên tắc tương thích kiến tạo và rà soát định kỳ dựa trên phản hồi bên liên quan đạt 3,82. Kết quả này cho thấy hạn chế không nằm ở việc có triển khai TĐG theo các tiêu chuẩn AUN-QA, mà ở mức độ sâu của việc chứng minh mối liên kết giữa CĐR, thiết kế CTĐT, dữ liệu phản hồi và điều kiện bảo đảm. Nhận định này gần với kết quả của Phạm Thị Hương và Nguyễn Vũ Phương (2020) khi cho rằng đánh giá CTĐT theo AUN-QA tạo tác động tích cực, nhưng tác động đó phụ thuộc vào cách cơ sở đào tạo sử dụng dữ liệu và kết quả đánh giá cho cải tiến.

Thông tin từ phỏng vấn cho thấy phản hồi của các bên liên quan chưa được tích hợp đều đặn vào quá trình rà soát CĐR và CTĐT; minh chứng về mức đạt ELOs sau tốt nghiệp ở một số CTĐT còn hạn chế; điều kiện cơ sở vật chất, học liệu, thư viện và hạ tầng CNTT chưa đồng đều giữa các CTĐT. Những ý kiến này phù hợp với các chỉ báo có kết quả thấp hơn ở Tiêu chuẩn 2 và Tiêu chuẩn 7, qua đó cho thấy nội dung TĐG theo AUN-QA cần được hỗ trợ bằng hệ thống dữ liệu mạnh hơn, cơ chế phản hồi có chu kỳ và đầu tư có trọng tâm vào các điều kiện còn hạn chế.

Bảng 2. Đánh giá của CBQL, GV và CV về nội dung hoạt động TĐG CTĐT theo 8 tiêu chuẩn AUN-QA

STT	Nội dung hoạt động tự đánh giá theo 8 tiêu chuẩn AUN-QA	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Tiêu chuẩn 1: CTĐT xây dựng và công bố CDR rõ ràng, có căn cứ khoa học, phù hợp tầm nhìn - sứ mạng; CDR bao quát kỹ năng chung và năng lực chuyên ngành, bảo đảm tương thích giữa CDR CTĐT và CDR học phần.	3,92	0,85	3,99	0,81
2	Tiêu chuẩn 1: Nhu cầu các bên liên quan được tích hợp vào CDR và CTĐT có dữ liệu chứng minh người học đạt CDR khi tốt nghiệp.	3,90	0,82	3,90	0,89
3	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần đầy đủ, cập nhật, công khai; CTĐT có cấu trúc logic từ cơ bản đến chuyên ngành, có tích hợp và lựa chọn/hướng chuyên ngành phù hợp.	3,97	0,88	4,06	0,81
4	Tiêu chuẩn 2: CTĐT được thiết kế theo nguyên tắc tương thích kiến tạo, có ma trận CDR-học phần và được rà soát định kỳ dựa trên phản hồi các bên liên quan/nhu cầu thị trường.	3,95	0,90	3,82	0,81
5	Tiêu chuẩn 3: Triết lý giáo dục được thể hiện trong hoạt động dạy - học; phương thức dạy - học thúc đẩy người học chủ động, có trách nhiệm và phát triển năng lực tự học, tư duy phản biện, tự nghiên cứu.	4,08	0,94	3,97	0,81
6	Tiêu chuẩn 3: Dạy - học và hoạt động hỗ trợ khuyến khích đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp và được điều chỉnh theo nhu cầu thị trường lao động cùng kết quả đo mức đạt CDR.	3,94	0,85	3,99	0,85
7	Tiêu chuẩn 4: Hệ thống đánh giá đa dạng, đo đúng mức đạt CDR; kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để hỗ trợ người học cải thiện học tập.	3,99	0,89	4,03	0,79
8	Tiêu chuẩn 4: Quy định/quy trình đánh giá và phúc khảo rõ ràng, công khai, thực hiện nhất quán; đánh giá bảo đảm khách quan, công bằng nhờ rubrics, thang điểm và mốc thời gian rõ.	3,99	0,87	4,08	0,84
9	Tiêu chuẩn 5: CTĐT có quy hoạch đội ngũ bảo đảm đủ số lượng và chất lượng; năng lực giảng viên được xác định/đánh giá và dùng làm căn cứ phân công nhiệm vụ phù hợp.	4,18	0,84	4,09	0,81
10	Tiêu chuẩn 5: Tải trọng giảng viên được đo lường, giám sát; quyền lợi - trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp được quy định rõ; có bồi dưỡng, phát triển chuyên môn theo nhu cầu CTĐT.	4,11	0,91	4,09	0,83
11	Tiêu chuẩn 6: Tuyển sinh/tiếp nhận có quy định rõ và cập nhật; CTĐT có hệ thống theo dõi tiến độ/kết quả/tải trọng học tập để hỗ trợ kịp thời cho người học.	3,98	0,90	4,08	0,79
12	Tiêu chuẩn 6: Dịch vụ hỗ trợ (tư vấn học tập, ngoại khóa, việc làm) đáp ứng nhu cầu; nhân sự hỗ trợ có năng lực phù hợp; dịch vụ được đánh giá, đối sánh và cải tiến thường xuyên.	3,97	0,87	4,03	0,89
13	Tiêu chuẩn 7: Cơ sở vật chất, học liệu, phòng thí nghiệm/thực hành và CNTT đáp ứng yêu cầu vận hành CTĐT, bảo đảm sử dụng hiệu quả và an toàn.	3,95	0,89	3,77	0,84
14	Tiêu chuẩn 7: Thư viện và hệ thống CNTT dễ tiếp cận; môi trường học tập bảo đảm sức khỏe - an toàn và hỗ trợ người học có nhu cầu đặc thù; cơ sở vật chất được đánh giá định kỳ và cải tiến.	3,96	0,86	3,82	0,91
15	Tiêu chuẩn 8: CTĐT theo dõi các chỉ số học tập (tỷ lệ đậu, thôi học, thời gian tốt nghiệp...) và thu thập dữ liệu việc làm/học tiếp cùng thành quả nghiên cứu - sáng tạo để đối sánh, cải tiến.	4,09	0,82	4,03	0,82
16	Tiêu chuẩn 8: CTĐT có dữ liệu chứng minh mức độ đạt CDR sau tốt nghiệp và đo lường mức hài lòng các bên liên quan, sử dụng kết quả này để xác định ưu tiên cải tiến chất lượng.	4,01	0,89	4,00	0,86
ĐTB chung		4,00		3,98	

Nhìn chung, việc triển khai các nội dung TĐG theo 8 tiêu chuẩn AUN-QA ở nhà trường được thực hiện thường xuyên và đạt kết quả khá; trong đó, các nội dung về đội ngũ giảng viên, đánh giá người học, dịch vụ hỗ trợ và đầu ra được đánh giá tích cực hơn, còn các nội dung về cơ sở vật chất - CNTT, thiết kế CTĐT theo nguyên tắc tương thích kiến tạo và cơ chế phản hồi bên liên quan cần được ưu tiên cải thiện.

3.2.3. Thực trạng thực hiện phương pháp và hình thức tổ chức tự đánh giá chương trình đào tạo

Đối với phương pháp và hình thức tổ chức TĐG, kết quả khảo sát tại bảng 3 cho thấy các nội dung được

triển khai ở mức thường xuyên, đồng thời kết quả thực hiện đạt mức khá. ĐTB chung của nhóm phương pháp lần lượt đạt 3,93 ở phương diện mức độ thực hiện và 3,91 ở phương diện kết quả thực hiện; các giá trị tương ứng của nhóm hình thức tổ chức là 3,96 và 3,93. Ở nhóm phương pháp, phân tích xu hướng dữ liệu 3-5 năm và khảo sát các bên liên quan được triển khai tương đối thường xuyên; trong khi đối sánh nội bộ/bên ngoài có ĐTB kết quả thấp hơn (3,87). Điều này cho thấy hoạt động TĐG đã sử dụng được nhiều phương pháp cần thiết, nhưng các phương pháp đòi hỏi dữ liệu chuẩn hóa, khả năng đối chiếu, đọc duyệt chéo và phản biện chuyên gia vẫn chưa thật mạnh. Theo AUN-QA, đối sánh và phân tích xu hướng là căn cứ quan trọng để chứng minh cải tiến; vì vậy, kết quả này chỉ ra dư địa cải thiện có ý nghĩa đối với chất lượng lập luận trong báo cáo TĐG.

Bảng 3. Đánh giá của CBQL, GV và CV về các phương pháp và hình thức tổ chức TĐG CTĐT theo AUN-QA

STT	Các phương pháp và hình thức tổ chức TĐG CTĐT theo AUN-QA	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
A	Đánh giá về các phương pháp tổ chức TĐG CTĐT theo AUN-QA				
1	Khoa/Trường thực hiện phân tích minh chứng theo tiêu chí (đầy đủ - tin cậy - kiểm toán được).	3,95	0,83	3,89	0,84
2	Khoa/Trường triển khai khảo sát sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng/cơ sở thực tập.	3,94	0,84	3,94	0,80
3	Khoa/Trường thực hiện trao đổi, thảo luận nhóm hoặc thu thập ý kiến chuyên sâu từ các bên liên quan phục vụ TĐG.	3,92	0,89	3,89	0,87
4	Khoa/Trường thực hiện đối sánh nội bộ/bên ngoài.	3,90	0,83	3,87	0,80
5	Khoa/Trường phân tích xu hướng dữ liệu 3-5 năm (tuyển sinh, học tập, tốt nghiệp, việc làm, mức đạt CĐR, mức hài lòng...) để phục vụ lập luận và theo dõi cải tiến.	3,96	0,81	3,92	0,80
6	Khoa/Trường tổ chức cho chuyên gia góp ý và đọc duyệt chéo báo cáo TĐG.	3,89	0,83	3,94	0,84
ĐTB chung		3,93		3,91	
B	Đánh giá về các hình thức tổ chức TĐG CTĐT theo AUN-QA				
1	Khoa/Trường tổ chức bộ máy TĐG theo phân tầng nhiệm vụ rõ ràng (quản trị/phê duyệt - điều phối nghiệp vụ - nhóm thực hiện và đơn vị cung cấp dữ liệu).	3,96	0,81	3,88	0,84
2	Quá trình TĐG được điều hành bằng kế hoạch tổng thể, xác định cụ thể nhiệm vụ theo tiêu chí, người phụ trách, nguồn dữ liệu/minh chứng, thời hạn và theo dõi tiến độ theo sản phẩm.	3,97	0,78	3,94	0,82
3	Hệ thống dữ liệu và minh chứng được tổ chức theo tiêu chí, có mã hóa, mô tả, phân quyền, kiểm soát phiên bản và bảo đảm khả năng truy xuất khi cần thẩm định.	3,96	0,85	3,96	0,83
4	Báo cáo TĐG được viết theo câu hỏi chẩn đoán/tiêu chí, lập luận dựa trên dữ liệu - minh chứng và được chuẩn hóa về thuật ngữ, số liệu, cách trích dẫn trong toàn bộ báo cáo.	3,98	0,77	3,91	0,86
5	Báo cáo và minh chứng được thẩm định nội bộ theo các vòng rà soát (đọc duyệt chéo, đối soát số liệu, kiểm tra minh chứng, hiệu chỉnh và chốt hồ sơ) trước khi công bố/đăng ký đánh giá ngoài.	3,95	0,82	3,96	0,79
ĐTB chung		3,96		3,93	

Ở nhóm hình thức tổ chức, hệ thống dữ liệu và minh chứng được tổ chức theo tiêu chí, có mã hóa và khả năng truy xuất là nội dung có kết quả cao hơn (3,96), cho thấy nhà trường đã quan tâm đến quản trị minh chứng. Tuy nhiên, hiệu quả của bộ máy TĐG theo phân tầng nhiệm vụ đạt 3,88, phản ánh sự vận hành giữa các tầng chức năng, nhóm tiêu chuẩn và đầu mối dữ liệu chưa thật đồng đều. Kết quả này có thể đối chiếu với mô hình 3P của Krooi và cộng sự (2024), trong đó hiệu quả BDCL bên trong phụ thuộc vào sự gắn kết giữa mục tiêu, con người và quy trình. Do đó, cần tăng cường điều hành TĐG theo tiến độ, sản phẩm và trách nhiệm của từng đầu mối; đồng thời phát triển dữ liệu phục vụ đối sánh, đọc duyệt chéo và phản biện chuyên gia.

Kết quả phỏng vấn cho thấy hoạt động đối sánh nội bộ/bên ngoài và đọc duyệt chéo thường gặp khó khăn do dữ liệu chưa được chuẩn hóa đồng bộ, thiếu nguồn đối sánh phù hợp và sự phối hợp giữa nhóm viết báo cáo với các đầu mối cung cấp minh chứng chưa ổn định. Các ý kiến này góp phần giải thích mức điểm thấp hơn của chỉ báo đối sánh và hiệu quả vận hành bộ máy TĐG theo phân tầng nhiệm vụ.

Nhìn chung, phương pháp và hình thức tổ chức TĐG đã tạo được nền tảng triển khai tương đối ổn định; tuy nhiên, để nâng cao giá trị cải tiến, cần chú trọng hơn đến chất lượng đối sánh, phản biện chuyên gia và cơ chế điều phối giữa các đầu mối theo tiến độ, sản phẩm cụ thể xuyên suốt quá trình triển khai hoạt động TĐG.

3.2.4. Thực trạng các lực lượng tham gia hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo

Bảng 4. Đánh giá của CBQL, GV và CV về sự tham gia của các lực lượng trong hoạt động TĐG CTĐT theo AUN-QA

STT	Sự tham gia của các lực lượng trong hoạt động TĐG CTĐT theo AUN-QA	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Ban Giám hiệu/Lãnh đạo Trường, Khoa phê duyệt kế hoạch, bảo đảm nguồn lực và tổ chức sử dụng kết quả TĐG cho quản trị, cải tiến CTĐT.	3,98	0,82	4,03	0,85
2	Hội đồng TĐG/Hội đồng ĐBCL giám sát quá trình, thẩm định minh chứng và thông qua báo cáo TĐG/kết quả TĐG.	4,02	0,71	4,04	0,83
3	Ban thư ký/Đầu mối ĐBCL điều phối tiến độ, chuẩn hóa nghiệp vụ và tổ chức thu thập phản hồi các bên liên quan.	4,01	0,84	4,10	0,78
4	Nhóm tiêu chuẩn/Nhóm viết báo cáo TĐG thu thập, phân tích minh chứng, xử lý dữ liệu, viết báo cáo và đề xuất cải tiến theo tiêu chí.	4,03	0,85	4,05	0,81
5	Các phòng/đơn vị chức năng và hỗ trợ cung cấp dữ liệu, minh chứng hệ thống và phối hợp liên thông theo yêu cầu TĐG.	4,04	0,79	4,08	0,81
6	Giảng viên/tổ bộ môn/chủ nhiệm CTĐT cung cấp minh chứng học thuật, tham gia phản biện và triển khai cải tiến học phần/CTĐT.	4,01	0,85	4,07	0,80
7	Sinh viên phản hồi về dạy - học, đánh giá và dịch vụ hỗ trợ thông qua khảo sát/phòng vấn/thảo luận nhóm.	4,00	0,77	4,03	0,81
8	Cựu sinh viên, nhà tuyển dụng/cơ sở thực tập và đối tác cung cấp phản hồi bên ngoài, góp ý cập nhật ELOs và CTĐT.	3,98	0,88	4,00	0,82
9	Bộ phận CNTT/đầu mối quản trị dữ liệu - minh chứng bảo đảm hạ tầng vận hành và khả năng truy xuất minh chứng.	3,97	0,81	4,08	0,81
ĐTB chung		4,00		4,05	

Bảng 4 cho thấy các lực lượng tham gia hoạt động TĐG được huy động thường xuyên và đạt kết quả khá, với ĐTB chung 4,00 về mức độ thực hiện và 4,05 về kết quả thực hiện. Nổi bật là vai trò điều phối của Ban thư ký/đầu mối ĐBCL (ĐTB kết quả = 4,10), cùng với sự tham gia của các phòng/đơn vị chức năng, giảng viên và nhóm tiêu chuẩn/nhóm viết báo cáo. Kết quả này cho thấy TĐG tại nhà trường không còn là nhiệm vụ đơn lẻ của một bộ phận, mà đã huy động được nhiều chủ thể trong hệ thống ĐBCL bên trong.

Tuy nhiên, mức độ tham gia của cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, cơ sở thực tập và đối tác bên ngoài vẫn thấp hơn tương đối so với các lực lượng nội bộ. Điều này cho thấy phản hồi từ các bên liên quan bên ngoài đã được quan tâm nhưng chưa trở thành một cơ chế ổn định, được duy trì theo chu kỳ và được khai thác có hệ thống phục vụ cải tiến CTĐT. Đây là điểm cần lưu ý, bởi theo tiếp cận AUN-QA, phản hồi của các bên liên quan là căn cứ quan trọng để rà soát CDR, điều chỉnh CTĐT và chứng minh mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội.

Kết quả phỏng vấn tiếp tục làm rõ hạn chế này khi cho thấy việc duy trì đầu mối liên hệ, tổ chức thu thập phản hồi và sử dụng kết quả phản hồi còn phụ thuộc nhiều vào từng khoa, từng CTĐT. Bên cạnh đó, bộ phận CNTT và đầu mối quản trị dữ liệu - minh chứng ở một số thời điểm chủ yếu tham gia khi phát sinh yêu cầu kỹ thuật, chưa đồng hành xuyên suốt trong toàn bộ chu trình TĐG. Những phát hiện này cho thấy vấn đề không nằm ở số lượng lực lượng tham gia, mà chủ yếu ở tính ổn định của cơ chế phối hợp, mức độ rõ ràng về trách nhiệm và khả năng gắn sự tham gia với quản trị dữ liệu, minh chứng và cải tiến CTĐT.

Từ thực trạng trên, nhà trường cần chuyển từ cơ chế huy động theo từng nhiệm vụ sang cơ chế phối hợp thường xuyên, có đầu mối, có phân công trách nhiệm, có chu kỳ phản hồi và có quy trình sử dụng dữ liệu rõ ràng. Đồng thời, cần tăng cường sự tham gia thực chất của các bên liên quan bên ngoài và xác lập vai trò đồng hành thường xuyên của bộ phận CNTT, quản trị dữ liệu - minh chứng trong toàn bộ quá trình TĐG.

3.2.5. Thực trạng các điều kiện bảo đảm cho hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo

Bảng 5 cho thấy các điều kiện bảo đảm cho hoạt động TĐG được thực hiện thường xuyên và đạt kết quả khá, với ĐTB chung 3,99 ở mức độ thực hiện và 3,95 ở kết quả thực hiện. Trong đó, các nội dung có điểm cao hơn tập trung vào việc giao nhiệm vụ phù hợp với năng lực, bố trí kinh phí và chuẩn hóa minh chứng theo tiêu chí. Điều này phản ánh nhà trường đã bước đầu thiết lập được nền tảng tổ chức cần thiết cho TĐG, bao gồm quy định, quy trình triển khai, phân công trách nhiệm và yêu cầu về bảo mật dữ liệu. Đây là cơ sở quan trọng để hoạt động TĐG được vận hành theo quy trình, thay vì phụ thuộc chủ yếu vào kinh nghiệm cá nhân hoặc cách làm riêng của từng đơn vị.

Mặc dù vậy, một số điều kiện hỗ trợ vẫn có kết quả thấp hơn tương đối, như công cụ, chu kỳ khảo sát và đơn vị phụ trách thu thập phản hồi các bên liên quan (ĐTB kết quả = 3,91), hạ tầng CNTT phục vụ quản trị minh chứng số (3,93) và năng lực tiếng Anh của lực lượng nòng cốt (3,96). Các hạn chế này tương đồng với nhận định của Lê Tấn Cường (2024) và Tạ Thị Thu Hiền (2023) rằng hiệu quả BDCL bên trong phụ thuộc nhiều vào năng lực hệ thống, dữ liệu và điều kiện vận hành. Các ý kiến thu được từ phỏng vấn cũng cho thấy khó khăn thường xuất hiện ở các khâu đọc hiểu tài liệu AUN-QA, hiệu đính báo cáo, quản trị minh chứng số và tổ chức khảo sát bên liên quan bên ngoài. Như vậy, điều kiện bảo đảm cho TĐG không chỉ nằm ở kinh phí hay cơ sở vật chất, mà còn phụ thuộc vào năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, hạ tầng số và quy trình dữ liệu.

Bảng 5. Đánh giá của CBQL, GV và CV về các điều kiện bảo đảm cho hoạt động TĐG CTĐT theo AUN-QA

STT	Các điều kiện bảo đảm cho hoạt động TĐG CTĐT theo AUN-QA	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Khoa/Trường ban hành quy định và quy trình tổ chức TĐG CTĐT (mục tiêu, các bước triển khai, sản phẩm đầu ra).	3,97	0,81	3,92	0,82
2	Vai trò, nhiệm vụ và thẩm quyền của các lực lượng tham gia TĐG được phân định rõ.	3,97	0,86	3,99	0,77
3	Nhiệm vụ TĐG được giao phù hợp năng lực/kinh nghiệm và được mô tả rõ đầu việc, sản phẩm, thời hạn.	4,03	0,77	3,94	0,82
4	Khoa/Trường có lực lượng nòng cốt đủ năng lực tiếng Anh để đọc hiểu hướng dẫn AUN-QA, chuẩn hóa thuật ngữ, tham gia viết/hiệu đính báo cáo và trao đổi với đoàn đánh giá.	3,95	0,80	3,96	0,85
5	Khoa/Trường áp dụng cơ chế ghi nhận/động viên người tham gia TĐG (quy đổi giờ, định mức, thi đua...).	3,97	0,83	3,95	0,86
6	Khoa/Trường xác định các bên liên quan và lập kế hoạch thu thập phản hồi phục vụ TĐG và cải tiến CTĐT.	3,97	0,84	4,01	0,82
7	Công cụ, chu kỳ khảo sát và đơn vị phụ trách thu thập phản hồi các bên liên quan được quy định rõ.	4,00	0,76	3,91	0,80
8	Khoa/Trường ban hành văn bản giao nhiệm vụ và quy trình thu thập - xử lý - sử dụng phản hồi phục vụ phát triển CTĐT.	4,00	0,84	3,94	0,82
9	Khoa/Trường thực hiện quy định về bảo mật và đạo đức dữ liệu khi thu thập, lưu trữ và sử dụng dữ liệu khảo sát/phỏng vấn; bảo vệ thông tin cá nhân.	4,01	0,80	3,95	0,80
10	Minh chứng được chuẩn hóa theo tiêu chí (đúng, đủ, tin cậy) và truy xuất được khi thẩm định/đánh giá.	4,02	0,78	3,94	0,77
11	Hạ tầng CNTT đáp ứng yêu cầu quản trị minh chứng số (lưu trữ, chia sẻ, truy xuất, bảo mật).	3,97	0,81	3,93	0,80
12	Khoa/Trường bố trí kinh phí cho các hoạt động TĐG (tập huấn, khảo sát, hoàn thiện minh chứng/báo cáo TĐG).	4,03	0,78	3,94	0,80
ĐTB chung		3,99		3,95	

Từ kết quả này, yêu cầu đặt ra là tiếp tục hoàn thiện công cụ và chu kỳ khảo sát bên liên quan, nâng cấp hạ tầng quản trị minh chứng số, đồng thời phát triển năng lực chuyên môn và ngoại ngữ cho lực lượng nòng cốt. Đây là những điều kiện then chốt để nâng cao độ tin cậy của minh chứng, chất lượng báo cáo TĐG và khả năng sử dụng kết quả TĐG cho cải tiến CTĐT.

3.2.6. Thực trạng đánh giá kết quả hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo

Kết quả ở bảng 6 cho thấy các nội dung đánh giá kết quả hoạt động TĐG được thực hiện thường xuyên và đạt kết quả khá. Ở nhóm tuân thủ các nguyên tắc AUN-QA, ĐTB chung đạt 4,01 về mức độ thực hiện và 4,05 về kết quả thực hiện; ở nhóm đánh giá kết quả TĐG, ĐTB chung đạt 4,06 và 4,01. Các nội dung nổi bật gồm vận hành theo chu trình PDCA, sử dụng phản hồi làm căn cứ cải tiến, đánh giá dựa trên minh chứng và bảo đảm tính khách quan, minh bạch trong lập luận TĐG. Điều này cho thấy hoạt động TĐG đã vượt dần khỏi phạm vi hoàn thiện hồ sơ, bước đầu hướng tới hỗ trợ quản lý và cải tiến CTĐT.

Tuy nhiên, các chỉ báo có kết quả thấp hơn vẫn gắn với những yêu cầu khó của AUN-QA như quy chiếu kết luận TĐG về ELOs/OBE và nguyên tắc tương thích kiến tạo (3,97), sử dụng kết quả TĐG trong ra quyết định, phân bổ nguồn lực và điều chỉnh CTĐT (3,96), đối chiếu số liệu trước khi chốt báo cáo (3,99). Đây là điểm cần được chú ý vì nhiều nghiên cứu về kiểm định và BDCL cho thấy giá trị của đánh giá không nằm ở báo cáo hay công nhận, mà ở khả năng tạo ra thay đổi trong quản trị và cải tiến CTĐT (Phạm & Nguyễn, 2020; Lê, 2025; Nguyễn & Âu, 2025).

Bảng 6. Đánh giá của CBQL, GV và CV về kết quả triển khai hoạt động TĐG CTĐT theo AUN-QA

STT	Kết quả triển khai hoạt động TĐG CTĐT theo AUN-QA	Mức độ thực hiện		Kết quả thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
A	Đánh giá về việc tuân thủ các nguyên tắc của hoạt động TĐG CTĐT theo AUN-QA				
1	TĐG được triển khai theo tiếp cận OBE, lấy CĐR/ELOs làm căn cứ đối chiếu và đánh giá mức độ đạt được.	3,88	0,92	3,97	0,86
2	Các kết luận trong báo cáo TĐG được xây dựng dựa trên minh chứng và dữ liệu tin cậy, truy xuất được.	4,02	0,81	4,04	0,84
3	Hoạt động TĐG được vận hành theo chu trình PDCA, có theo dõi phản hồi và thực hiện cải tiến liên tục.	3,94	0,92	4,10	0,77
4	Quá trình TĐG bảo đảm sự tham gia thực chất của các bên liên quan.	4,03	0,83	4,06	0,81
5	Việc đánh giá mức đáp ứng và lập luận trong TĐG bảo đảm khách quan, minh bạch và nhất quán.	4,08	0,85	4,08	0,78
6	Kết quả TĐG được sử dụng làm đầu vào cho quản lý và phát triển CTĐT (điều chỉnh chương trình, phân bổ nguồn lực, phát triển đội ngũ, hoàn thiện quy trình và nâng cao hiệu quả hệ thống ĐBCL nội bộ).	4,12	0,85	4,05	0,84
ĐTB chung		4,01		4,05	
B	Đánh giá kết quả TĐG CTĐT theo AUN-QA				
1	BC TĐG bao phủ đầy đủ 8 tiêu chuẩn/53 tiêu chí và các nội dung trọng tâm của CTĐT.	4,11	0,80	4,04	0,76
2	Hệ thống minh chứng đúng - đủ - phù hợp, có khả năng truy xuất/kiểm chứng khi thẩm định nội bộ/đánh giá ngoài.	4,04	0,86	4,00	0,81
3	Số liệu trong BC TĐG được đối chiếu, kiểm tra nhất quán giữa các nguồn dữ liệu nội bộ trước khi chốt báo cáo.	4,08	0,76	3,99	0,81
4	Lập luận chấm điểm nhất quán giữa mô tả hiện trạng - phân tích điểm mạnh/tồn tại - nguyên nhân - và mức điểm TĐG.	4,00	0,85	3,98	0,85
5	Kết luận TĐG quy chiếu rõ về mức độ đáp ứng ELOs/OBE và nguyên tắc tương thích kiến tạo.	4,06	0,78	3,97	0,81
6	Có hệ thống thu thập phản hồi các bên liên quan (đối tượng, chu kỳ, đơn vị phụ trách, công cụ), và có tổng hợp kết quả phục vụ TĐG.	4,10	0,79	4,01	0,79
7	Có minh chứng việc sử dụng phản hồi làm căn cứ điều chỉnh/cải tiến CTĐT.	4,10	0,79	4,10	0,79
8	Kế hoạch cải tiến sau TĐG cụ thể, đo lường được, có phân công trách nhiệm, thời hạn và chỉ số theo dõi.	3,99	0,85	4,03	0,86
9	Theo dõi triển khai kế hoạch cải tiến và có minh chứng “đóng vòng” PDCA (phiếu khảo sát → kế hoạch → báo cáo kết quả/đánh giá hiệu quả).	4,08	0,76	4,04	0,77
10	Kết quả TĐG được sử dụng thực chất trong quản lý (ra quyết định, phân bổ nguồn lực, điều chỉnh CTĐT) và tạo thay đổi tích cực.	4,00	0,80	3,96	0,79
ĐTB chung		4,06		4,01	

Các thông tin, ý kiến từ phòng vấn cho thấy khó khăn chủ yếu nằm ở việc minh chứng mức đạt CĐR/ELOs chưa đủ mạnh, kỹ năng liên kết giữa mô tả hiện trạng - phân tích nguyên nhân - mức điểm TĐG chưa đồng đều, và việc sử dụng kết quả TĐG cho quản lý đôi khi vẫn dừng ở lập kế hoạch hơn là tạo chuyển biến rõ trong thực thi. Vì vậy, yêu cầu tiếp theo là tăng cường minh chứng về mức đạt CĐR/ELOs, chuẩn hóa đối soát số liệu, đồng thời chuyển hóa kết quả TĐG thành căn cứ thực chất cho ra quyết định, phân bổ nguồn lực và cải tiến CTĐT.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy hoạt động TĐG CTĐT theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA ở Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế được thực hiện thường xuyên và đạt kết quả ở mức khá trên sáu thành tố khảo sát. Các điểm mạnh tập trung ở nội dung TĐG theo các tiêu chuẩn cốt lõi, nhất là tiêu chuẩn đội ngũ giảng viên, đánh giá người học, dịch vụ hỗ trợ người học và theo dõi đầu ra; đồng thời nhà trường đã huy động được nhiều lực lượng tham gia và bước đầu hình thành các điều kiện bảo đảm cần thiết cho TĐG.

Tuy nhiên, kết quả cũng chỉ ra một số hạn chế có ý nghĩa thực tiễn: khả năng xác định đầy đủ mức độ đáp ứng 8 tiêu chuẩn/53 tiêu chí AUN-QA chưa thật rõ; phản hồi của cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và cơ sở thực tập chưa ổn định; các phương pháp đối sánh, phân biện chuyên gia và phân tích dữ liệu chuyên sâu còn

hạn chế; điều kiện về học liệu, hạ tầng CNTT, quản trị minh chứng số và năng lực ngoại ngữ chuyên môn cần tiếp tục củng cố; việc chuyển hóa kết quả TĐG thành quyết định quản lý, phân bổ nguồn lực và cải tiến CTĐT chưa thật đồng đều giữa các đơn vị.

Đóng góp của nghiên cứu là cung cấp một cách tiếp cận thực tiễn về hoạt động TĐG CTĐT theo AUN-QA trong bối cảnh một trường đại học sư phạm, không chỉ xem TĐG như hoạt động lập báo cáo mà như một hệ thống hoạt động gồm mục tiêu, nội dung, phương pháp - hình thức, lực lượng, điều kiện bảo đảm và đánh giá kết quả. Về thực tiễn, nghiên cứu gợi ý rằng để nâng cao chất lượng TĐG, nhà trường cần ưu tiên bốn định hướng: chuẩn hóa và số hóa dữ liệu - minh chứng; củng cố cơ chế tham gia của bên liên quan bên ngoài; tăng cường điều kiện bảo đảm về học liệu, hạ tầng số và năng lực đội ngũ nòng cốt; và sử dụng kết quả TĐG như căn cứ cho cải tiến CTĐT, phân bổ nguồn lực và theo dõi hiệu quả cải tiến theo chu trình PDCA.

Nghiên cứu còn một số giới hạn. Thứ nhất, dữ liệu định lượng chủ yếu dựa trên tự báo cáo của người tham gia tại một cơ sở giáo dục đại học nên khả năng khái quát hóa kết quả còn hạn chế. Thứ hai, dữ liệu định tính được thu thập qua phỏng vấn bán cấu trúc với 15 người nên chưa phản ánh đầy đủ sự đa dạng về kinh nghiệm và quan điểm của tất cả các nhóm liên quan. Thứ ba, công cụ khảo sát mới được kiểm định độ tin cậy nội bộ bằng Cronbach's alpha, chưa được kiểm định sâu về cấu trúc thang đo và độ giá trị của các nhóm chỉ báo. Bên cạnh đó, việc so sánh giữa các nhóm khách thể mới dừng ở mức thăm dò. Các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng mẫu sang nhiều cơ sở đào tạo giáo viên, tiếp tục hoàn thiện và kiểm định công cụ đo lường, đồng thời phân tích sâu hơn mối quan hệ giữa chất lượng hoạt động TĐG với kết quả cải tiến CTĐT sau đánh giá.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ASEAN University Network. (n.d.). *AUN-QA assessed programmes*. Retrieved May 11, 2026, from <https://aunsec.org/discover-aun/thematic-networks/aun-qa/aun-qa-assessed-programmes>
- ASEAN University Network. (2024). *AUN-QA framework for internal quality assurance (IQA)*. https://aunsec.org/application/files/7517/3267/9855/Revised_AUN-QA_IQA_Framework.pdf
- Bertalanffy, L. von. (1968). *General system theory: Foundations, development, applications*. George Braziller.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025). *Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*. <https://vbpl.vn/bogiaoducdaotao/Pages/vbpq-thuocinh.aspx?ItemID=175610>
- Caws, P. (2015). General systems theory: Its past and potential. *Systems Research and Behavioral Science*, 32(5), 514–521. <https://doi.org/10.1002/sres.2353>
- Krooi, M., Whittingham, J., & Beausaert, S. (2024). Introducing the 3P conceptual model of internal quality assurance in higher education: A systematic literature review. *Studies in Educational Evaluation*, 82, Article 101360. <https://doi.org/10.1016/j.stueduc.2024.101360>
- Lê, M. H. (2025). Ảnh hưởng của kiểm định chất lượng giáo dục đến hệ thống đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo: Trường hợp ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Bình Dương. *Tạp chí Giáo dục*, 25(4), 60–64.
- Lê, T. C. (2024). Ứng dụng mô hình EFQM để đẩy mạnh hoạt động bảo đảm chất lượng bên trong tại một trường đại học thành viên thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Giáo dục*, 24(15), 59–64.
- Martin, M., & Stella, A. (2007). *External quality assurance in higher education: Making choices*. UNESCO-IIEP.
- Mạng lưới các trường đại học ASEAN. (2021). *Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng cấp chương trình đào tạo theo AUN-QA phiên bản 4.0*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn, H. H., & Âu, Q. H. (2025). Tác động của kiểm định chất lượng giáo dục đến chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin tại một số cơ sở giáo dục đại học. *Tạp chí Giáo dục*, 25(17), 47–52.
- Nguyễn, T. T. (2023). Giải pháp phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong theo tiếp cận TQM để quản lý chương trình đào tạo đại học tại Trường Đại học Xây dựng Hà Nội. *Tạp chí Giáo dục*, 23(23), 36–41.
- Phạm, T. H., & Nguyễn, V. P. (2020). Tác động của đánh giá chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA: Quan điểm của giảng viên. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh - Khoa học Xã hội*, 15(1), 5–20. <https://doi.org/10.46223/HCMCOUJS.soci.vi.15.1.592.2020>
- Ta, T. T. H. (2023). Đánh giá thực trạng hoạt động bảo đảm chất lượng bên trong cơ sở giáo dục đại học Việt Nam từ kết quả kiểm định chất lượng. *Tạp chí Giáo dục*, 23(20), 29–35.

Self-Assessment of undergraduate programmes under the AUN-QA framework: A study of the current situation at the University of Education, Hue University

Dang Hai Phap¹, Nguyen Thi Thu Hien¹, Nguyen Van Thong²

¹University of Education, Hue University

²Vietnam Buddhist Research Institute; Executive Board of the Vietnam Buddhist Sangha in Hue City

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 20 May 2026

Received in revised form: 21 July 2026

Accepted: 29 July 2026

Published: 20 August 2026

Keywords:

Self-assessment;

Undergraduate programme;

AUN-QA framework;

Quality assurance;

University of Education, Hue University.

Corresponding author:

Dang Hai Phap

E-mail address:

danghaiphap@dhsphue.edu.vn

ABSTRACT

This study examines the current situation of self-assessment activities for undergraduate programmes under the AUN-QA framework at the University of Education, Hue University. It focuses on six components: objectives, content aligned with the eight AUN-QA standards, methods and organisational forms, participating groups, supporting conditions, and evaluation of implementation results. A descriptive survey design was employed, with quantitative data as the primary source and semi-structured interviews with 15 participants (five administrators, five lecturers, and five professional staff members) used to supplement, triangulate, and explain the quantitative findings. Data collected from 156 administrators, lecturers, and professional staff members were analysed using descriptive statistics, and the internal consistency of the questionnaire scales was examined using Cronbach's alpha. The findings show that programme self-assessment activities were conducted regularly, while their outcomes were rated at a fairly good level; the group mean scores ranged from 3,72 to 4,06. The comparatively stronger components were the content of self-assessment aligned with the eight AUN-QA standards, the participation of relevant groups, and the evaluation of implementation outcomes. However, several issues still require improvement, including identifying the full extent of compliance across all eight standards and 53 criteria, ensuring substantive participation by external stakeholders, strengthening benchmarking, standardising data and evidence, improving learning resources and digital infrastructure, and using self-assessment results more effectively for programme improvement. The paper suggests directions for enhancing evidence management, stakeholder engagement, supporting conditions, and the use of self-assessment results for continuous programme improvement.